

Số: 2101/TTr-UBND

Long Khánh, ngày 23 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (lần 2)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

UBND thành phố Long Khánh kính trình UBND tỉnh Đồng Nai thẩm định bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh (lần 2) với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

1) Báo cáo thuyết minh bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (kèm theo hệ thống bảng, biểu số liệu theo quy định).

2) Bản đồ bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh.

3) Bản đồ kết quả rà soát Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh.

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại các Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 và Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 với 66 dự án/270,41 ha.

Thực hiện theo kế hoạch được duyệt, đến nay có 51 dự án với tổng diện tích 261,76 ha đây là các dự án đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc xin phép chuyển mục đích sử dụng đất,.. đạt 77,27% về số lượng dự án và 96,80% về diện tích kế hoạch được duyệt còn lại 15 dự án với tổng diện tích 8,65 ha chưa triển khai thực hiện đạt 22,73% về số lượng dự án và 3,20% về diện tích kế hoạch được duyệt.

(Chi tiết kết quả thực hiện các dự án tại Phụ lục số: 06)

3. Nội dung bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

3.1. Số lượng dự án bổ sung thực hiện trong năm 2023:

TT	Mục đích sử dụng đất	Dự án trong KHSDĐ 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2023		Dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023		Tổng dự án, công trình sau khi bổ sung	
		Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)

1	Đất an ninh	3	0,53		-	3	0,53
2	Đất thương mại, dịch vụ	5	1,77		-	5	1,77
3	Đất phát triển hạ tầng	47	159,16	2	0,10	49	159,26
	<i>Trong đó:</i>						-
-	Đất giao thông	23	147,42	1	0,04	24	147,46
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	1	1,20		-	1	1,20
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	5	3,37		-	5	3,37
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1	1,14		-	1	1,14
-	Đất công trình năng lượng	4	1,57	1	0,06	5	1,63
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	1	0,03		-	1	0,03
-	Đất cơ sở tôn giáo	12	4,43		-	12	4,43
4	Đất sinh hoạt cộng đồng	1	0,07		-	1	0,07
5	Đất ở tại đô thị	9	108,78		-	9	108,78
6	Đất tín ngưỡng	1	0,10		-	1	0,10
	Tổng	66	270,41	2	0,10	68	270,51

(Chi tiết danh mục các dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại Phụ lục: 01)

3.2. Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Chỉ tiêu trong KHSĐĐ 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSĐĐ năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	15.883,28	15.869,10	-14,18
	<i>Trong đó:</i>				-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	848,08	847,90	-0,18
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	574,04	573,86	-0,19
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	356,61	353,84	-2,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.532,88	14.522,84	-10,04
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4,743	4,74	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	38,83	38,83	-
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	102,13	100,94	-1,19
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.414,55	3.428,73	14,18
	<i>Trong đó:</i>				-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,06	17,06	-
2.2	Đất an ninh	CAN	67,85	67,85	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	400,83	400,83	-
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	55,80	55,80	-
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	94,51	94,51	-

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Chỉ tiêu trong KHSDD 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	50,65	50,65	-
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.246,32	1.246,42	0,10
	<i>Trong đó:</i>				-
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>830,50</i>	<i>830,54</i>	<i>0,04</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>160,18</i>	<i>160,18</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>9,75</i>	<i>9,75</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>17,41</i>	<i>17,41</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>50,63</i>	<i>50,63</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>15,52</i>	<i>15,52</i>	-
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>4,76</i>	<i>4,82</i>	<i>0,06</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,46</i>	<i>1,46</i>	-
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>3,79</i>	<i>3,79</i>	-
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>3,90</i>	<i>3,90</i>	-
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>34,59</i>	<i>34,59</i>	-
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>70,25</i>	<i>70,25</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>37,55</i>	<i>37,55</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>0,27</i>	<i>0,27</i>	-
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>2,41</i>	<i>2,41</i>	-
-	<i>Đất hạ tầng khác</i>	<i>DHK</i>	<i>3,36</i>	<i>3,36</i>	-
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,53	2,53	-
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	16,77	16,77	-
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	388,52	393,79	5,27
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	892,43	901,23	8,80
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,44	14,44	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,10	2,10	-
2.14	Đất tín ngưỡng	TIN	3,25	3,25	-
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	129,87	129,87	-
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	31,62	31,62	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-
II	Khu chức năng*				
	Đất đô thị		8.931,31	8.931,31	-

(Chỉ tiêu sử dụng đất theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục: 02).

3.3. Điều chỉnh Kế hoạch thu hồi đất năm 2023:

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Chỉ tiêu trong KHSDD 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1166/QĐ-	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)

		UBND ngày 23/5/2023		
1	Đất nông nghiệp	158,67	158,77	0,10
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	6,49	6,49	-
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>2,81</i>	<i>2,81</i>	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	29,05	29,05	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	122,71	122,81	0,10
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,26	0,26	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,16	0,16	-
2	Đất phi nông nghiệp	89,51	89,51	-
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất quốc phòng	1,75	1,75	-
2.2	Đất an ninh	0,01	0,01	-
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	0,96	0,96	-
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,88	0,88	-
2.5	Đất phát triển hạ tầng	51,71	51,71	-
	<i>Trong đó:</i>			-
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>44,68</i>	<i>44,68</i>	-
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>0,80</i>	<i>0,80</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>0,28</i>	<i>0,28</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>0,04</i>	<i>0,04</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>0,95</i>	<i>0,95</i>	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>0,09</i>	<i>0,09</i>	-
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>0,01</i>	<i>0,01</i>	-
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>4,51</i>	<i>4,51</i>	-
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ</i>	<i>0,25</i>	<i>0,25</i>	-
-	<i>Đất chợ</i>	<i>0,10</i>	<i>0,10</i>	-
2.6	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,05	0,05	-
2.7	Đất ở tại nông thôn	14,53	14,53	-
2.8	Đất ở tại đô thị	18,61	18,61	-
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,14	0,14	-
2.10	Đất tín ngưỡng	0,08	0,08	-
2.11	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,79	0,79	-
3	Đất chưa sử dụng			-

(Chỉ tiêu thu hồi đất theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục: 03)

3.4. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

3.4.1. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng:

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Chỉ tiêu trong KHSDD 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	269,80	269,90	0,10
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	18,50	18,50	-
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	4,81	4,81	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	41,84	41,84	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	209,04	209,14	0,10
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,26	0,26	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,16	0,16	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	44,83	44,83	-
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	44,83	44,83	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	7,19	7,19	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục: 04)

3.4.2. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu trong KHSDD 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	276,36	276,46	0,10
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	18,50	18,50	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	4,81	4,81	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	41,78	41,78	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	215,66	215,76	0,10
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,26	0,26	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,16	0,16	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong	44,83	44,83	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu trong KHSĐĐ 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1166/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSĐĐ năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
	nội bộ đất nông nghiệp			
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng cây lâu năm	44,83	44,83	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	5,01	5,01	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất trong hồ sơ địa chính theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục: 05)

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất:

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường:

a. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất:

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất.

- Khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai và theo quy hoạch sử dụng đất; trồng các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp với trồng các loại cây khác phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

b. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Đẩy mạnh đầu tư các công trình dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước trong thành phố; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong thành phố.

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường trong các khu công nghiệp, các khu đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của thành phố.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp phường, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất:

Sau khi bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố được UBND tỉnh phê duyệt, UBND thành phố sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

a. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện việc công bố, công khai bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án có trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố, trong đó lưu ý đơn đốc thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 03 năm trở lên để sớm triển khai thực hiện.

b. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Căn cứ vào bổ sung kế hoạch bố trí vốn trong năm 2023 để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách.

c. Các Ban, ngành của thành phố, UBND các phường, xã:

Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới cần báo cáo UBND thành phố và phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo luật định.

UBND thành phố Long Khánh kính trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TN và MT;
- Các Sở, ngành có liên quan;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Phòng TN-MT;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (NN).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Đại Giang